

CHÍNH PHỦ
Số: 64/2001/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH

Về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, bao gồm:

- Mở tài khoản, thực hiện dịch vụ thanh toán, tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;
- Mở tài khoản, sử dụng dịch vụ thanh toán của người sử dụng dịch vụ thanh toán.

2. Nghị định này áp dụng cho các hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Mọi hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Quản lý Nhà nước về hoạt động thanh toán

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán :

1. Nghiên cứu, đề xuất chính sách khuyến khích mở rộng và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.
2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thanh toán theo thẩm quyền.
3. Cấp phép, đình chỉ hoạt động thanh toán đối với các tổ chức tín dụng và các tổ chức khác.
4. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và người sử dụng dịch vụ thanh toán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. Hoạt động thanh toán là việc mở tài khoản, thực hiện dịch vụ thanh toán, tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và việc mở tài khoản, sử dụng dịch vụ thanh toán của người sử dụng dịch vụ thanh toán.
2. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dưới đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), ngân hàng, tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán.
3. Người sử dụng dịch vụ thanh toán là tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.
4. Giao dịch thanh toán là việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc chuyển tiền giữa tổ chức, cá nhân.
5. Dịch vụ thanh toán là việc cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện giao dịch thanh toán trong nước và quốc tế, thực hiện thu hộ, chi hộ và các loại dịch vụ khác do Ngân hàng Nhà nước quy định của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo yêu cầu của người sử dụng dịch vụ thanh toán.
6. Tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán là tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện một hoặc một số dịch vụ thanh toán.
7. Phương tiện thanh toán là tiền mặt và các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt được sử dụng nhằm thực hiện giao dịch thanh toán.

8. Tài khoản thanh toán là tài khoản do người sử dụng dịch vụ thanh toán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán để thực hiện giao dịch thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

9. Chủ tài khoản là người đứng tên mở tài khoản. Đối với tài khoản của cá nhân, chủ tài khoản là cá nhân đứng tên mở tài khoản. Đối với tài khoản của tổ chức, chủ tài khoản là người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản.

10. Đồng chủ tài khoản là hai hay nhiều người cùng đứng tên mở tài khoản.

11. Lệnh thanh toán là lệnh của chủ tài khoản đối với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán dưới hình thức chứng từ giấy, chứng từ điện tử hoặc các hình thức khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu tổ chức đó thực hiện giao dịch thanh toán.

12. Thấu chi là việc người sử dụng dịch vụ thanh toán chi vượt số tiền mình có trên tài khoản thanh toán khi sử dụng dịch vụ thanh toán.

Điều 4. Áp dụng điều ước quốc tế, tập quán quốc tế trong hoạt động thanh toán với nước ngoài

1. Trong hoạt động thanh toán quốc tế, trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định trong Nghị định này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

2. Các bên tham gia hoạt động thanh toán quốc tế có thể thoả thuận áp dụng tập quán quốc tế nếu tập quán đó không trái pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương 2:

MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN

Điều 5. Mở tài khoản thanh toán

1. Ngân hàng Nhà nước mở tài khoản thanh toán cho các tổ chức tín dụng trong nước, các tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán và các ngân hàng nước ngoài, tổ chức tiền tệ, ngân hàng quốc tế.

Ngân hàng Nhà nước được mở tài khoản thanh toán tại các ngân hàng nước ngoài, tổ chức tiền tệ, ngân hàng quốc tế.

2. Các tổ chức tín dụng là ngân hàng mở tài khoản thanh toán cho các tổ chức tín dụng khác, tổ chức khác và cá nhân. Ngân hàng thương mại nhà nước mở tài khoản thanh toán cho Kho bạc Nhà nước ở huyện, thị xã không phải là tỉnh lỵ.

Tổ chức tín dụng mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng. Tổ chức tín dụng là ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế.

3. Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước. ở huyện, thị xã không phải là tỉnh lỵ, Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán tại một ngân hàng thương mại nhà nước.

4. Các tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán mở tài khoản thanh toán cho người sử dụng dịch vụ thanh toán theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Người sử dụng dịch vụ thanh toán có quyền chọn ngân hàng và các tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán để mở tài khoản thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 6. Sử dụng tài khoản và uỷ quyền sử dụng tài khoản

1. Chủ tài khoản có quyền sử dụng số tiền trên tài khoản thanh toán thông qua các lệnh thanh toán phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ tài khoản có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan trong việc sử dụng tài khoản thanh toán.

3. Chủ tài khoản được uỷ quyền cho người khác bằng văn bản sử dụng tài khoản theo quy định của pháp luật. Người được uỷ quyền có quyền hạn và nghĩa vụ như chủ tài khoản trong phạm vi được uỷ quyền và không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

Điều 7. Sử dụng và uỷ quyền sử dụng tài khoản của đồng chủ tài khoản

Ngoài các quy định tại Điều 6 trên đây, việc sử dụng tài khoản và ủy quyền sử dụng tài khoản của đồng chủ tài khoản còn phải tuân theo các quy định sau :

1. Mọi giao dịch thanh toán trên tài khoản chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận của tất cả những người là đồng chủ tài khoản.
2. Đồng chủ tài khoản được ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp một đồng chủ tài khoản bị chết, bị tuyên bố mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản của người đó được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tài khoản thanh toán, điều kiện, thủ tục mở và sử dụng tài khoản thanh toán

Loại tài khoản thanh toán, tính chất tài khoản thanh toán, điều kiện, thủ tục mở và sử dụng tài khoản thanh toán do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 9. Phong toả tài khoản

1. Tài khoản thanh toán bị phong toả một phần hoặc toàn bộ số tiền có trên tài khoản trong các trường hợp sau :
 - a) Khi có thoả thuận giữa chủ tài khoản và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;
 - b) Khi có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định;
2. Việc phong toả tài khoản thanh toán chấm dứt khi :
 - a) Kết thúc thời hạn thoả thuận phong toả tài khoản giữa chủ tài khoản và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;
 - b) Người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ra quyết định hoặc yêu cầu chấm dứt việc phong toả;
 - c) Theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Đóng tài khoản